

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG ĐỒNG NAI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2023	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2023	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2023	08 - 09
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 - 32

3517
CÔNG
TNH
OÁN B
VIỆT
T.P.H

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2023.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Thanh Hải	Chủ tịch
Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	Thành viên
Ông Trần Văn Nguyên	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Hùng	Thành viên
Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng ban
Bà Hoàng Thị Thu Thủy	Thành viên
Ông Hồ Sĩ Tuấn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính
Ông Trần Văn Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Ban	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 08 năm 2023

Số: 15/2023/SX-RSMHCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: **Các Cổ đông**
 Các thành viên Hội đồng Quản trị
 Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
 CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 08 năm 2023 từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem trang tiếp theo)

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2023-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2023

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		574.231.844.499	467.451.246.958
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	157.171.885.331	230.685.109.096
1. Tiền	111		63.171.885.331	40.685.109.096
2. Các khoản tương đương tiền	112		94.000.000.000	190.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	255.000.000.000	125.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		255.000.000.000	125.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		160.706.631.846	109.237.890.368
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	148.012.353.799	105.153.299.623
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.772.253.052	2.466.181.194
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	8.302.969.212	4.028.145.282
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(2.380.944.217)	(2.409.735.731)
IV. Hàng tồn kho	140		834.870.856	1.477.416.056
1. Hàng tồn kho	141		834.870.856	1.477.416.056
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		518.456.466	1.050.831.438
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		518.456.466	1.050.831.438
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		754.603.493.426	770.805.221.252
I. Tài sản cố định	220		411.906.586.621	383.349.306.252
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	409.174.269.098	380.238.385.987
Nguyên giá	222		941.965.783.121	885.913.832.502
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(532.791.514.023)	(505.675.446.515)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	2.732.317.523	3.110.920.265
Nguyên giá	228		7.437.674.168	7.437.674.168
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.705.356.645)	(4.326.753.903)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		233.706.225.442	277.690.882.229
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.9	233.706.225.442	277.690.882.229
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	62.565.000.000	62.565.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		15.165.000.000	15.165.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		47.400.000.000	47.400.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		46.425.681.363	47.200.032.771
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.6	46.425.681.363	47.200.032.771
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.328.835.337.925	1.238.256.468.210

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		444.494.126.352	410.314.957.786
I. Nợ ngắn hạn	310		344.619.093.530	292.930.951.894
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	125.652.891.197	97.471.687.443
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		319.773.299	930.387.310
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	44.862.280.914	17.008.551.443
4. Phải trả người lao động	314	4.12	21.018.075.388	23.920.325.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.13	6.355.666.208	5.582.632.492
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.640.603.246	1.047.812.770
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.14	35.889.835.000	5.129.622.060
8. Vay ngắn hạn	320	4.15	35.766.973.070	91.366.665.577
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.16	24.286.473.347	14.450.000.000
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.17	48.826.521.861	36.023.267.799
II. Nợ dài hạn	330		99.875.032.822	117.384.005.892
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.14	19.619.590.242	19.619.590.242
2. Vay dài hạn	338	4.15	80.255.442.580	97.764.415.650
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		884.341.211.573	827.941.510.424
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.18	884.341.211.573	827.941.510.424
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		185.219.540.000	185.219.540.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		185.219.540.000	185.219.540.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		74.434.806.545	74.434.806.545
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		413.784.974.541	413.784.974.541
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		210.901.890.487	154.502.189.338
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		76.899.736.338	51.005.041.550
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		134.002.154.149	103.497.147.788
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.328.835.337.925	1.238.256.468.210



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Vũ Thị Quỳnh Trang
Kế toán trưởng

Nguyễn Cảnh Thìn
Người lập

Đồng Nai, ngày 10 tháng 08 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	1	4.20	532.033.089.934	529.475.461.122
2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	10		532.033.089.934	529.475.461.122
3. Giá vốn hàng bán	11	4.21	343.322.530.023	342.122.739.687
4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	20		188.710.559.911	187.352.721.435
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.22	13.915.583.851	7.404.607.928
6. Chi phí tài chính	22	4.23	6.125.774.640	7.372.669.696
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		6.125.774.640	7.372.669.696
7. Chi phí bán hàng	25	4.24	7.423.596.611	6.414.074.435
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.25	22.321.151.523	24.677.593.978
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		166.755.620.988	156.292.991.254
10. Thu nhập khác	31		359.121.061	448.094.639
11. Chi phí khác	32		57.700.065	95.217.351
12. Lợi nhuận khác	40		301.420.996	352.877.288
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		167.057.041.984	156.645.868.542
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.27	33.054.887.835	30.965.446.774
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		134.002.154.149	125.680.421.768
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.18.4	3.276	3.073
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.18.4	3.276	3.073

Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốcVũ Thị Quỳnh Trang
Kế toán trưởngNguyễn Cảnh Thìn
Người lập

Đồng Nai, ngày 10 tháng 08 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		167.057.041.984	156.645.868.542
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ	02	4.26	28.078.414.012	29.032.272.711
Các khoản dự phòng	03	4.26	9.971.208.486	10.024.345.604
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(14.073.765.669)	(7.473.079.928)
Chi phí lãi vay	06	4.23	6.125.774.640	7.372.669.696
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		197.158.673.453	195.602.076.625
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(49.608.651.591)	(48.407.389.050)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		642.545.200	(673.286.911)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		36.413.133.206	2.137.872.760
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.306.726.380	1.045.511.506
Tiền lãi vay đã trả	14		(6.249.211.609)	(7.389.322.391)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.11	(16.848.168.370)	(18.480.824.647)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.980.000	400.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(9.236.316.938)	(6.595.199.859)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		153.581.709.731	117.239.838.033
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(12.047.116.915)	(30.487.149.787)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		158.181.818	68.472.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(255.000.000.000)	(130.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		125.000.000.000	100.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.084.285.478	6.195.966.829
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(129.804.649.619)	(54.222.710.958)

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 03a - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.28	120.844.982.300	186.197.544.940
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.29	(193.953.647.877)	(180.712.329.368)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(24.181.618.300)	(27.975.819.050)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(97.290.283.877)	(22.490.603.478)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ				
(50 = 20+30+40)	50		(73.513.223.765)	40.526.523.597
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		230.685.109.096	174.597.532.384
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	4.1	157.171.885.331	215.124.055.981
(70 = 50+60+61)				



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Vũ Thị Quỳnh Trang
Kế toán trưởng

Nguyễn Cảnh Thìn
Người lập

Đồng Nai, ngày 10 tháng 08 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 24 tháng 08 năm 2005, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600334112 ngày 04 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 17 tháng 07 năm 2023 để tăng vốn điều lệ.

Ngày 04 tháng 08 năm 2011, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 118/2011/QĐ-SGDHCM ngày 04 tháng 08 năm 2011 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 26 tháng 10 năm 2011, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo số 867/2011/TB-SGDHCM ngày 12 tháng 10 năm 2011 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 185.219.540.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	94.462.200.000	51,00	94.462.200.000	51,00
Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam	37.500.000.000	20,25	37.500.000.000	20,25
Các cổ đông khác	53.257.340.000	28,75	53.257.340.000	28,75
Cộng	185.219.540.000	100,00	185.219.540.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 276 (31 tháng 12 năm 2022 là: 269).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh dịch vụ cảng biển.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bốc xếp hàng hóa (Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa cảng biển);

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty có các công ty liên kết như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	Cảng Gò Dầu A, khu công nghiệp Gò Dầu, xã Phước Thái, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	30%	30%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	Phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	45%	45%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2022.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền mặt	461.333.316	565.167.748
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	62.710.552.015	40.119.941.348
Các khoản tương đương tiền (*)	94.000.000.000	190.000.000.000
Cộng	<u>157.171.885.331</u>	<u>230.685.109.096</u>

(*) Là khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng tại ngày 30/06/2023 với lãi suất từ 4,2%/năm đến 5,0%/năm.

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 06 - 12 tháng tại ngày 30/06/2023 với lãi suất từ 6,9%/năm đến 9,5%/năm.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**

Đầu tư tài chính dài hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
VND				
Đầu tư vào công ty liên kết:				
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành (a)	1.665.000.000	(*)	1.665.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai (b)	13.500.000.000	(*)	13.500.000.000	(*)
Cộng	15.165.000.000	-	15.165.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác:				
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức (c)	7.000.000.000	25.305.000.000	7.000.000.000	18.340.000.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận (d)	40.400.000.000	(*)	40.400.000.000	(*)
Cộng	47.400.000.000	-	47.400.000.000	-

(a) Khoản đầu tư này chiếm 30% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cảng Long Thành, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Ngành nghề hoạt động chính của Công ty Cổ phần Cảng Long Thành là đại lý và dịch vụ khai thác hàng hải.

(b) Khoản đầu tư này chiếm 45% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Ngành nghề hoạt động chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai là vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- (c) Khoản đầu tư này chiếm 0,7% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam, niêm yết trên sàn HOSE với mã chứng khoán là SZC. Ngành nghề hoạt động chính của Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức là đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, kinh doanh bất động sản. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, giá niêm yết trên thị trường của khoản đầu tư này là 25.305.000.000 VND, tương đương với 36.150 VND/cổ phiếu.
- (d) Khoản đầu tư này chiếm 10,1 % vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Ngành nghề hoạt động chính của Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm Mục 4.31	85.127.966	70.047.137
Phải thu từ khách hàng:		
Maersk Line A/S	27.960.913.764	32.255.210.997
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	26.177.260.820	12.962.851.008
CMA-CGM SA C/O CMA-CGM VIET NAM JSC	14.881.915.826	11.221.575.562
Các khách hàng khác (*)	78.907.135.423	48.643.614.919
Cộng	<u>148.012.353.799</u>	<u>105.153.299.623</u>

(*) Tại ngày 30/06/2023, mỗi khoản phải thu các khách hàng khác có số dư nhỏ hơn 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dự thu lãi tiền gửi	4.988.776.712	-	3.157.780.839	-
Phải thu người lao động	503.200.000	-	600.000.000	-
Phải thu khác	2.810.992.500	-	270.364.443	-
Cộng	<u>8.302.969.212</u>	<u>-</u>	<u>4.028.145.282</u>	<u>-</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.5. Nợ xấu

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	2.428.498.423	47.554.206	2.562.386.150	152.650.419

4.6. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền thuê đất trả trước (*)	38.104.168.900	38.751.278.644
Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng không được cán trừ vào tiền thuê đất	8.202.728.330	8.303.996.582
Các khoản khác	118.784.133	144.757.545
Cộng	46.425.681.363	47.200.032.771

(*) Là khoản tiền Công ty đã ứng ra để đền bù khu đất 3 ha, khu đất 42.776,8 m² và khu đất 158.584,8 m², số tiền này được cán trừ vào tiền thuê đất hàng năm mà Công ty phải nộp cho Ngân sách Nhà nước (Cục thuế tỉnh Đồng Nai). Ngày 24 tháng 09 năm 2015, Cục thuế tỉnh Đồng Nai có Thông báo số 687/TB.CT.QLCKTTD và 120/TB.CT.QLCKTTD cho phép Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai quy đổi số tiền còn phải cán trừ còn lại tương ứng với thời gian hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền thuê đất đến hết thời hạn thuê đất.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2023	680.068.572.043	115.424.667.754	67.538.549.380	8.836.134.976	14.045.908.349	885.913.832.502
Mua trong kỳ	-	137.500.000	-	42.000.000	-	179.500.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	56.442.334.381	8.500.000	-	-	5.360.000	56.456.194.381
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(583.743.762)	-	-	(583.743.762)
Tại ngày 30/06/2023	736.510.906.424	115.570.667.754	66.954.805.618	8.878.134.976	14.051.268.349	941.965.783.121
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2023	355.226.489.587	79.176.216.135	55.617.444.286	7.444.400.097	8.210.896.410	505.675.446.515
Khấu hao trong kỳ	19.674.756.296	4.628.511.080	2.237.233.616	318.034.332	841.275.946	27.699.811.270
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(583.743.762)	-	-	(583.743.762)
Tại ngày 30/06/2023	374.901.245.883	83.804.727.215	57.270.934.140	7.762.434.429	9.052.172.356	532.791.514.023
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2023	324.842.082.456	36.248.451.619	11.921.105.094	1.391.734.879	5.835.011.939	380.238.385.987
Tại ngày 30/06/2023	361.609.660.541	31.765.940.359	9.683.871.478	1.115.700.547	4.999.096.173	409.174.269.098

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2023 của TSCĐ hữu hình là 147.525.509.105 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay - Xem thêm Mục 4.15.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 155.693.707.952 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán, bản quyền VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2023	1.818.363.207	5.619.310.961	7.437.674.168
Tại ngày 30/06/2023	<u>1.818.363.207</u>	<u>5.619.310.961</u>	<u>7.437.674.168</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2023	-	4.326.753.903	4.326.753.903
Khấu hao trong kỳ	-	378.602.742	378.602.742
Tại ngày 30/06/2023	-	<u>4.705.356.645</u>	<u>4.705.356.645</u>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2023	1.818.363.207	1.292.557.058	3.110.920.265
Tại ngày 30/06/2023	<u>1.818.363.207</u>	<u>913.954.316</u>	<u>2.732.317.523</u>

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2023 của TSCĐ vô hình là 285.589.707 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay - Xem thêm Mục 4.15.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 714.250.000 VND.

4.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Chi phí đền bù mở rộng cảng Đồng Nai giai đoạn 2B	113.187.064.000	113.187.064.000
Chi phí đền bù mở rộng cảng Đồng Nai giai đoạn 2 (9 ha)	65.984.124.425	65.984.124.425
Chi phí đầu tư hạ tầng khu tái định cư phục vụ dự án mở rộng cảng Đồng Nai giai đoạn 2	52.586.971.360	52.586.971.360
Các dự án khác	1.948.065.657	45.932.722.444
Cộng	<u>233.706.225.442</u>	<u>277.690.882.229</u>

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm Mục 4.31	31.905.628.233	31.905.628.233	11.260.927.706	11.260.927.706
Công ty TNHH Dịch vụ Xếp dỡ Hiệp Phước	27.590.100.214	27.590.100.214	22.144.865.001	22.144.865.001
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải HPS Marine	21.987.963.857	21.987.963.857	16.498.261.127	16.498.261.127
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	44.169.198.893	44.169.198.893	47.567.633.609	47.567.633.609
Cộng	125.652.891.197	125.652.891.197	97.471.687.443	97.471.687.443

(*) Tại ngày 30/06/2023, mỗi khoản phải trả cho các đối tượng khác có số dư nhỏ hơn 10% tổng số phải người bán ngắn hạn.

4.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Phải nộp	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	11.559.685.876	22.491.788.130	11.686.974.604	11.686.974.604	754.872.350	754.872.350
Thuế thu nhập doanh nghiệp	31.054.887.835	33.054.887.835	16.848.168.370	16.848.168.370	14.848.168.370	14.848.168.370
Thuế thu nhập cá nhân	547.277.600	3.334.749.042	4.192.982.165	4.192.982.165	1.405.510.723	1.405.510.723
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	1.700.429.603	2.347.539.347	647.109.744	647.109.744	-	-
Phí sử dụng đất phi nông nghiệp	-	413.194.379	413.194.379	413.194.379	-	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	5.000.000	-	-
Cộng	44.862.280.914	61.647.158.733	33.793.429.262	33.793.429.262	17.008.551.443	17.008.551.443

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.12. Phải trả người lao động

Là khoản tiền lương còn phải trả cho cán bộ, công nhân viên tại ngày 30/06/2023.

4.13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Trích trước chi phí dịch vụ vận chuyển, xếp dỡ	4.868.138.686	4.189.816.002
Các khoản chi phí phải trả khác	1.487.527.522	1.392.816.490
Cộng	6.355.666.208	5.582.632.492

4.14. Phải trả khác

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn:		
Phải trả khác cho các bên liên quan		
- Xem thêm Mục 4.31	28.339.088.268	428.268
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.427.968.345	382.384.645
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.122.778.387	4.746.809.147
Cộng	35.889.835.000	5.129.622.060
Dài hạn:		
Phải trả Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam tiền hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho người dân	16.530.632.897	16.530.632.897
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.088.957.345	3.088.957.345
Cộng	19.619.590.242	19.619.590.242

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.15. Vay**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2023		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	35.766.973.070	35.766.973.070	138.353.955.370	193.953.647.877	91.366.665.577	91.366.665.577
Vay dài hạn	80.255.442.580	80.255.442.580	-	17.508.973.070	97.764.415.650	97.764.415.650
Cộng	116.022.415.650	116.022.415.650	138.353.955.370	211.462.620.947	189.131.081.227	189.131.081.227

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Vay ngắn hạn:	Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
			VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	5,5% - 7,0%/năm	-	54.850.665.577
Vay dài hạn đến hạn trả:				
Quý Đầu tư Phát triển	VND	7,0%/năm	21.612.000.000	21.612.000.000 (a)
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	8,5% - 9,1%/năm	14.154.973.070	14.904.000.000 (b)
Cộng			35.766.973.070	91.366.665.577

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Vay dài hạn:	Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày	Tại ngày
			30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
Quý Đầu tư Phát triển	VND	7,0%/năm	43.561.109.247	54.367.109.247 (a)
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	8,5% - 9,1%/năm	36.694.333.333	43.397.306.403 (b)
Cộng			80.255.442.580	97.764.415.650

(a) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Bền tàu 30.000 DWT;
- 2 cầu Libebherr (Hợp đồng thế chấp tài sản số 33/2014.HĐTC-TD ngày 24/12/2014).

(b) Khoản vay được đảm bảo bằng tất cả các khoản lợi thu được từ việc kinh doanh, khai thác giá trị quyền sử dụng đất hoặc hạ tầng kỹ thuật trên đất, các khoản lợi thu được từ việc kinh doanh, khai thác bãi hoặc hạ tầng kỹ thuật trên bãi, quyền nhận tiền từ hợp đồng, quyền đòi nợ, quyền được nhận số tiền bảo hiểm, quyền nhận các khoản tiền bồi thường phạt vi phạm,... và tất cả các quyền và lợi ích phát sinh từ hợp đồng thuê quyền sử dụng đất 157.544,4 m2 tại xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và bãi cấp phối sỏi đá 7,15 ha và 2,17 ha thuộc dự án cảng Gò Dầu B giai đoạn 2 tại xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/CĐN/2015/HĐTC và Hợp đồng thế chấp tài sản 02/CĐN/2017/HĐTC ngày 29 tháng 09 năm 2017).

Giá trị còn lại của tài sản cố định dùng cầm cố thế chấp cho các khoản vay là 147.811.098.812 VND - Xem thêm Mục 4.7, 4.8.

4.16. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là khoản trích quỹ dự phòng tiền lương và dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định tại ngày 30/06/2023.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.17. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số dư đầu kỳ	36.023.267.799	31.988.558.657
Trích lập trong kỳ	22.036.591.000	19.941.242.000
Tăng khác	2.980.000	400.000
Sử dụng trong kỳ	(9.236.316.938)	(6.595.199.859)
Số dư cuối kỳ	<u>48.826.521.861</u>	<u>45.335.000.798</u>

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.18. Vốn chủ sở hữu****4.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2022	185.219.540.000	74.434.806.545	320.133.031.541	145.034.099.550	724.821.477.636
Lãi trong 06 tháng đầu năm trước	-	-	-	125.680.421.768	125.680.421.768
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(16.685.939.000)	(16.685.939.000)
Trích quỹ khen thưởng cá nhân, đơn vị hữu quan	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Trích quỹ chi công tác xã hội	-	-	-	(1.607.813.000)	(1.607.813.000)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	(647.490.000)	(647.490.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(74.087.816.000)	(74.087.816.000)
Tại ngày 30/06/2022	185.219.540.000	74.434.806.545	320.133.031.541	176.685.463.318	756.472.841.404
Lãi trong 06 tháng cuối năm trước	-	-	-	108.512.577.020	108.512.577.020
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	93.651.943.000	(93.651.943.000)	-
Chia cổ tức	-	-	-	(37.043.908.000)	(37.043.908.000)
Tại ngày 01/01/2023	185.219.540.000	74.434.806.545	413.784.974.541	154.502.189.338	827.941.510.424
Lãi trong 06 tháng đầu năm nay	-	-	-	134.002.154.149	134.002.154.149
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(17.917.692.000)	(17.917.692.000)
Trích quỹ khen thưởng cá nhân, đơn vị hữu quan	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Trích quỹ chi công tác xã hội	-	-	-	(2.341.299.000)	(2.341.299.000)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	(777.600.000)	(777.600.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(55.565.862.000)	(55.565.862.000)
Tại ngày 30/06/2023	185.219.540.000	74.434.806.545	413.784.974.541	210.901.890.487	884.341.211.573

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	94.462.200.000	94.462.200.000
Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam	37.500.000.000	37.500.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	53.257.340.000	53.257.340.000
Cộng	185.219.540.000	185.219.540.000

4.18.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	18.521.954	18.521.954
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	18.521.954	18.521.954
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	18.521.954	18.521.954

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.18.4. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	134.002.154.149	125.680.421.768
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(12.649.803.352)	(11.826.527.688)
Lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	121.352.350.797	113.853.894.080
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ (**)	37.043.908	37.043.908
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.276	3.073

(*) Tại ngày báo cáo tài chính, Công ty ước tính số trích quỹ khen thưởng phúc lợi kỳ này theo tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2023 như Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 20/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 04 năm 2023.

(**) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	18.521.954	18.521.954
Ảnh hưởng của 18.521.954 cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 18 tháng 07 năm 2023 từ quỹ đầu tư phát triển	18.521.954	18.521.954
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	37.043.908	37.043.908

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.18.5. Cổ tức**

Căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 20/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 04 năm 2023, tỷ lệ chia cổ tức năm 2022 là 50% trên vốn điều lệ.

4.19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	<u>Tại ngày 30/06/2023</u>	<u>Tại ngày 01/01/2023</u>
Ngoại tệ các loại:		
USD	79.167,56	79.167,56

4.20. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	528.251.216.366	525.884.022.256
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm Mục 4.31	3.781.873.568	3.591.438.866
Cộng	<u>532.033.089.934</u>	<u>529.475.461.122</u>

4.21. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn của dịch vụ đã cung cấp trong kỳ.

4.22. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Lãi tiền gửi	11.324.596.351	5.085.982.928
Cổ tức, lợi nhuận được chia - Xem thêm Mục 4.31	2.590.987.500	2.318.625.000
Cộng	<u>13.915.583.851</u>	<u>7.404.607.928</u>

4.23. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ.

4.24. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chi phí hoa hồng, môi giới	4.159.252.700	3.544.017.953
Chi phí nhân viên	2.445.731.651	2.186.717.397
Chi phí bằng tiền khác	818.612.260	683.339.085
Cộng	<u>7.423.596.611</u>	<u>6.414.074.435</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	11.766.126.573	11.529.608.838
Thuế, phí và lệ phí	2.857.190.537	5.665.958.665
Chi phí khấu hao tài sản cố định	503.159.433	622.955.523
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(28.791.514)	24.345.604
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.799.623.957	2.009.698.849
Chi phí khác bằng tiền	5.423.842.537	4.825.026.499
Cộng	<u>22.321.151.523</u>	<u>24.677.593.978</u>

4.26. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.765.136.225	6.991.152.649
Chi phí nhân công	47.662.039.418	48.128.765.970
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.078.414.012	29.032.272.711
Chi phí dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(28.791.514)	24.345.604
Chi phí trích trước sửa chữa lớn tài sản cố định	10.000.000.000	10.000.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	262.231.390.217	259.010.460.177
Chi phí khác bằng tiền	19.359.089.799	20.027.410.989
Cộng	<u>373.067.278.157</u>	<u>373.214.408.100</u>

4.27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	33.011.464.635	30.965.446.774
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	43.423.200	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>33.054.887.835</u>	<u>30.965.446.774</u>

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	167.057.041.984	156.645.868.542
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	591.268.693	499.990.328
Trừ: Thu nhập miễn thuế (cổ tức được chia)	(2.590.987.500)	(2.318.625.000)
Thu nhập tính thuế	165.057.323.177	154.827.233.870
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	<u>33.011.464.635</u>	<u>30.965.446.774</u>

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế.

4.28. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	120.844.982.300	186.197.544.940

4.29. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(193.953.647.877)	(180.712.329.368)

4.30. Báo cáo bộ phận

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động về những khác biệt về sản phẩm mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ cảng biển nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh cần thiết phải thuyết minh;
- Bộ phận theo khu vực địa lý: Hoạt động của Công ty chủ yếu là dịch vụ cảng biển tại khu vực tỉnh Đồng Nai nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

Do vậy, Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.31. Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

1. Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	Công ty mẹ
2. Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	Công ty liên kết
3. Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	Công ty liên kết
4. Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
5. Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	Công ty cùng tập đoàn
6. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	Công ty cùng tập đoàn
7. Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	Công ty cùng tập đoàn
8. Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi	Công ty cùng tập đoàn
9. Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	Công ty cùng tập đoàn
10. Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	Công ty cùng tập đoàn
11. Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	Công ty cùng tập đoàn
12. Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	Công ty cùng tập đoàn
13. Công ty Cổ phần Tiếp vận Số 1 Đồng Nai	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
14. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu/(phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	69.497.626	56.865.089
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	15.630.340	13.182.048
Cộng - Xem thêm Mục 4.3	85.127.966	70.047.137
Phải trả người bán ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Tiếp vận Số 1 Đồng Nai	(16.348.294.119)	(5.359.938.743)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	(15.294.008.384)	(5.588.851.623)
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	(219.925.230)	(161.930.160)
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	(28.000.500)	(18.207.180)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	(15.400.000)	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	-	(132.000.000)
Cộng - Xem thêm Mục 4.10	(31.905.628.233)	(11.260.927.706)
Phải trả ngắn hạn khác:		
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp (cổ tức năm 2022)	(28.338.660.000)	-
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	(428.268)	(428.268)
Cộng - Xem thêm Mục 4.14	(28.339.088.268)	(428.268)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Tiếp vận Số 1 Đồng Nai	3.072.057.315	3.107.337.108
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	333.305.568	325.040.261
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	376.510.685	159.061.497
Cộng - Xem thêm Mục 4.20	<u>3.781.873.568</u>	<u>3.591.438.866</u>
Thu nhập khác từ chia sẻ sự cố tràn dầu:		
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	63.316.000	36.000.000
Mua dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Tiếp vận Số 1 Đồng Nai	37.227.569.431	38.603.369.135
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	31.983.205.722	28.053.525.138
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	1.077.718.800	1.044.059.000
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	303.546.440	294.982.780
Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi	94.958.500	117.085.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	14.000.000	14.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông miền Nam	9.990.905	-
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	-	101.400.000
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	-	28.482.800
Cộng	<u>70.710.989.798</u>	<u>68.256.903.853</u>
Cổ tức, lợi nhuận được chia:		
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	1.510.987.500	1.373.625.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	1.080.000.000	945.000.000
Cộng - Xem thêm Mục 4.22	<u>2.590.987.500</u>	<u>2.318.625.000</u>
Cổ tức đã chia:		
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	28.338.660.000	37.784.880.000
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	11.250.000.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	793.800.000	1.058.400.000
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	193.260.000	337.680.000
Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	11.340.000	15.120.000
Ông Nguyễn Văn Ban	300.000	400.000
Cộng	<u>40.587.360.000</u>	<u>54.196.480.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thù lao và thu nhập của Hội đồng quản trị được hưởng trong kỳ như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Ông Trần Thanh Hải	Chủ tịch Hội đồng quản trị	253.289.000	224.068.000
Ông Trần Văn Nguyên	Thành viên Hội đồng quản trị	202.738.000	173.584.000
Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	Thành viên Hội đồng quản trị	202.740.000	173.584.000
Ông Nguyễn Tiến Hùng	Thành viên Hội đồng quản trị	174.738.000	173.584.000
Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên Hội đồng quản trị	174.738.000	162.805.000
Ông Phan Trọng Dũng	Thành viên Hội đồng quản trị	-	10.781.000
Cộng		<u>1.008.243.000</u>	<u>918.406.000</u>

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc	780.200.000	706.980.000
Ông Trần Văn Nguyên	Phó Tổng Giám đốc	529.920.000	503.207.000
Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	529.920.000	503.207.000
Ông Nguyễn Văn Ban	Phó Tổng Giám đốc	549.800.000	280.000.000
Bà Vũ Thị Quỳnh Trang	Kế toán trưởng	501.280.000	497.263.000
Cộng		<u>2.891.120.000</u>	<u>2.490.657.000</u>

4.32. Thu nhập Ban kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng Ban kiểm soát	501.280.000	497.263.000
Bà Hoàng Thị Thu Thủy	Thành viên Ban kiểm soát	105.827.000	105.725.000
Ông Hồ Sĩ Tuấn	Thành viên Ban kiểm soát	106.327.000	98.537.000
Ông Trần Quốc Nam	Thành viên Ban kiểm soát	-	7.188.000
Cộng		<u>713.434.000</u>	<u>708.713.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.34. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động**

Công ty thuê đất của Nhà nước theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 50 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	2.347.539.347	5.150.719.519

Tại ngày 30/06/2023, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Từ 1 năm trở xuống	10.455.323.903	10.304.875.788
Trên 1 năm đến 5 năm	42.973.837.864	41.945.463.597
Trên 5 năm	226.925.761.046	230.159.545.315
Cộng	280.354.922.813	282.409.884.700

4.35. Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (Trích):

	Kỳ trước VND (Được báo cáo lại)	Kỳ trước VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.073	5.945

Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu kỳ trước được báo cáo lại do Công ty điều chỉnh số tạm trích trong báo cáo trước đây theo số được trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 20/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 04 năm 2023.

Ngoài ra, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ quý đầu tư phát triển vào ngày 18 tháng 07 năm 2023, do đó lãi cơ bản trên và lãi suy giảm trên cổ phiếu kỳ trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.36. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 18 tháng 07 năm 2023, Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 381/QĐ-SGDHCM về việc chấp thuận cho Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai được thay đổi niêm yết do phát hành thêm 18.521.954 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Theo đó, số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty tăng từ 18.521.954 lên 37.043.908 cổ phiếu.

Ngoài ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 30/06/2023 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những kỳ kế toán sắp tới.



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Vũ Thị Quỳnh Trang
Kế toán trưởng

Nguyễn Cảnh Thìn
Người lập

Đồng Nai, ngày 10 tháng 08 năm 2023